Nghiên cứu tác động của căng thẳng học tập đến thái độ học tập của sinh viên

Phan Thị Hồng Thảo
Email: thaopth@hvnh.edu.vn
Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh
331 Ngô Gia Tự, phường Suối Hoa,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

TÓM TẮT: *Bài viết đánh giá tác động của căng thẳng học tập đến thái độ học tập của sinh viên. Dựa trên dữ liệu khảo sát, bằng phương pháp hồi quy bội, nghiên cứu tìm thấy tác động tích cực của căng thẳng học tập đến thái độ học tập. Ngoài ra, các nhân tố: phương pháp học tập, giảng viên và phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất cũng là những yếu tố quan trọng giải thích sự khác biệt về thái độ học tập của sinh viên.*

TỪ KHÓA: **Căng thẳng học tập, động lực học tập, phương pháp học tập, thái độ học tập.**
Nhận bài 22/3/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 30/6/2022 → Duyệt đăng 15/9/2022.
DOI: https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210902

1. Đặt vấn đề

Căng thẳng đã trở thành một chủ đề quan trọng thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học hành vi. Trong xã hội hiện đại, căng thẳng là một vấn đề phổ biến xảy ra trong cuộc sống của con người. Căng thẳng là một phần tất yếu của cuộc sống, xảy ra trong mọi lĩnh vực với bất kì chủ thể nào và ở bất cứ đâu. Căng thẳng học tập xảy ra khi người học không thoải mái hoặc khó khăn trong học tập hoặc khi người học bị kích động. Căng thẳng học tập có thể gây ra những tác động tích cực hoặc tiêu cực về cả thể chất và tinh thần cho người học. Thông qua đó, căng thẳng học tập tác động đến kết quả và thành tích học tập của người học. Bên cạnh những vấn đề sức khỏe và tâm lí, căng thẳng học tập còn liên quan đến thái độ học tập. Mặc dù có nhiều nghiên cứu về tác động của căng thẳng học tập đến sức khỏe tinh thần và thành tích học tập nhưng nghiên cứu về tác động của căng thẳng đến thái độ học tập còn khá hạn chế và chưa có kết quả thống nhất. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá tác động của căng thẳng học tập đến thái độ học tập của sinh viên trong mối quan hệ với các nhân tố khác về phía sinh viên và nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Tổng quan nghiên cứu về căng thẳng học tập

Trong lĩnh vực học tập, căng thẳng có thể mang lại kết quả tích cực và tiêu cực. Về nguyên nhân, Byrne, Davenport & Mazanov (2007) cho rằng, căng thẳng học tập phần lớn đến từ sự quá tải công việc, số lượng tài liệu để học và nhu cầu thực hiện tốt hoạt động học tập [1]. Trên khía cạnh cảm xúc, Yeo & Lee (2017) quan niệm rằng, căng thẳng học tập xảy ra khi sinh viên không thoải mái hoặc khó khăn trong học tập hoặc khi người học bị kích động, căng thẳng học tập liên quan đến cảm xúc tiêu cực như tức giận, lo lắng, bất lực, xấu hổ và buồn chán [2].

Sun & cộng sự (2011) đã xây dựng thang đo căng thẳng học tập cho thanh thiếu niên (ESSA) để ước tính mức độ căng thẳng trong học tập [3]. ESSA gồm 16 câu hỏi theo thang đo Likert trên năm khía cạnh: áp lực học tập (gồm áp lực từ việc học hàng ngày, từ cha mẹ, sự cạnh tranh của bạn bè và mối quan tâm về tương lai), khối lượng công việc (quá nhiều bài tập về nhà, công việc ở trường và bài kiểm tra), lo lắng về điểm số (cảm xúc căng thẳng do không hài lòng với điểm học tập), căng thẳng kì vọng vào bản thân (cảm xúc căng thẳng khi không đạt được kì vọng của bản thân) và sự tuyệt vọng (không hài lòng và thiếu tự tin, tập trung trong học tập). Ang & Huan (2006) cho rằng, kì vọng là nguồn căng thẳng học tập quan trọng đối với sinh viên Châu Á, trong đó kì vọng có thể đến từ cha mẹ hoặc giáo viên và kì vọng từ bản thân [4]. Ngoài ra, nghiên cứu kết luận rằng, học sinh nhận thấy căng thẳng học tập lớn hơn do kì vọng của bản thân. Dựa trên kết quả của Ang & Huan (2006), trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng kì vọng của bản thân để đại diện cho căng thẳng học tập của sinh viên. Theo đó, căng thẳng học tập được hiểu là những cảm xúc tiêu cực như lo lắng, xấu hổ và buồn chán của sinh viên khi không đạt được những kì vọng của bản thân trong học tập.

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu về thái độ học tập

Hart (1989) quan niệm thái độ bao gồm cảm xúc (tích vực hoặc tiêu cực), niềm tin và hành vi của cá nhân đối với một đối tượng cụ thể [5]. Dựa trên quan điểm này, tác giả chỉ ra ba thành phần thiết yếu của thái độ gồm: Thành phần nhận thức liên quan đến niềm tin về một đối tượng, thành phần cảm xúc và hành động hoặc xu hướng hành vi. Quan niệm này được coi là khung lí thuyết nền tảng cho các nghiên cứu về sau, gọi là mô

hình ABC (affection, behaviour, cognition). "Thái độ học tập là một bộ phận hợp thành, một thuộc tính trọn vẹn của ý thức, quy định tính sẵn sàng hành động của người học đối với hoạt động học tập theo một hướng nhất định, được bộc lộ ra bên ngoài thông qua hành vi, cử chỉ, nét mặt và lời nói của người học trong những tình huống, điều kiện học tập cụ thể" [6].

Thang đo AtSL được Shah & Mahmood (2011) phát triển gồm 23 mục trên ba khía cạnh sau: Nhận thức, tình cảm và hành vi. Theo tâm lí học, nhận thức của cá nhân về hoạt động học tập là cơ sở hình thành những cảm xúc, tình cảm và hành vi tương ứng. Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả đo lường thái độ học tập của sinh viên trên khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi dựa trên thang đo AtSL.

Thái độ học tập của sinh viên chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác về phía nhà trường và bản thân sinh viên. Về phía cơ sở đào tạo, Abebe (2014) tìm thấy tác động của phương pháp giảng dạy và nội dung học tập đến thái độ học tập đối với môn Toán [7]. Al-Nefale (2015) cho rằng, ngoài giảng viên, công nghệ và các yếu tố liên quan đến việc tổ chức giáo dục đại học có ảnh hưởng tích cực tới thái độ của sinh viên [8]. Ayob & Yasin (2017) kết luận rằng, phương pháp giảng dạy có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành thái độ của học sinh đối với Toán học [9]. Lưu Chí Danh và cộng sự (2021) cho rằng, chất lượng giảng viên có vai trò quan trọng nhất trong việc giải thích sự khác nhau về thái độ học tập của sinh viên [10]. Phan Hữu Tín và Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (2011) đã chứng minh rằng, hệ thống cơ sở vật chất, giáo trình, nội dung môn học, thực hành thực tập và điều kiện ăn ở sinh hoạt có tác động tích cực đến thái độ học tập của sinh viên [11]. Về phía bản thân sinh viên, Phạm Thị Hồng Thái (2016), Trần Thị Khánh Linh (2019), Lưu Chí Danh và cộng sự (2021) đều cho rằng, phương pháp học tập phù hợp tác động tích cực đến thái độ học tập của sinh viên [10], [12]. Bên cạnh đó, một trong những yếu tố về môi trường có tác động đến thái độ học tập của sinh viên là hoạt động phong trào. Đây là điều kiện quan trọng giúp sinh viên có hứng thú và niềm đam mê học tập.

2.1.3. Tổng quan nghiên cứu về mối quan hệ giữa căng thẳng học tập và thái độ học tập

Mối quan hệ giữa căng thẳng học tập và thái độ học tập đã thu hút sự quan tâm của một số nhà nghiên cứu trong thời gian gần đây. Về kết quả nghiên cứu, theo tìm hiểu của tác giả vẫn chưa có sự thống nhất, trong khi có nghiên cứu cho biết tồn tại mối tương quan tích cực giữa căng thẳng học tập và thái độ học tập thì có nghiên cứu chứng minh được mối tương quan tiêu cực. Wang và cộng sự (2015) đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa áp lực học tập, thái độ học tập và thành tích học tập của sinh viên đại học [13]. Bằng phương pháp phân tích tương quan và phân tích hồi quy, nghiên cứu tìm thấy mối tương quan đáng kể, tích cực giữa áp lực học tập và thái độ học tập. Samson, Lombrio & Castro (2019) đã xem xét mối quan hệ giữa căng thẳng học tập và thái độ học tập của học sinh trung học phổ thông trường công lập và tư thục của Guiuan [14]. Bằng phương pháp phân tích tương quan, nghiên cứu cho biết có mối tương quan yếu và tiêu cực giữa căng thẳng học tập và thái độ học tập với hệ số tương quan là -0,166. Nghiên cứu kết luận rằng, mức độ căng thẳng trong học tập của học sinh có ảnh hưởng đến thái độ học tập. Harmucu (2018) đã kiểm tra thái độ đối với học tập và căng thẳng giáo dục của sinh viên năm thứ ba và thứ tư của sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học [15]. Bằng phương pháp phân tích tương quan, nghiên cứu phát hiện mối quan hệ đáng kể về một số khía cạnh cụ thể giữa thái độ học tập và căng thẳng học tập.

2.2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập, tác giả đề xuất mô hình đánh giá tác động của căng thẳng học tập đến thái độ học tập như sau (xem Hình 1):

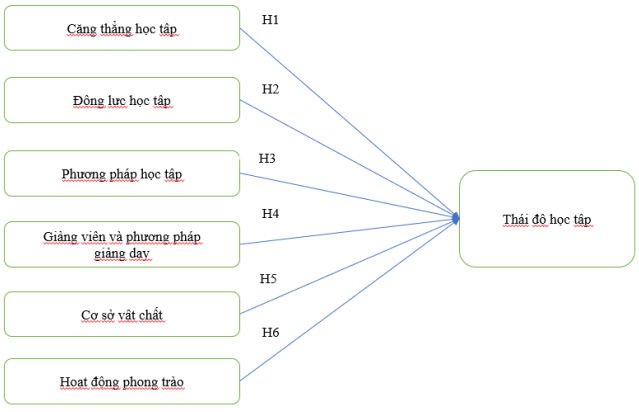

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Hình 1: Mô hình tác động của căng thẳng giáo dục đến thái độ học tập

Giả thiết nghiên cứu: H1: Căng thẳng học tập có ảnh hưởng đến thái độ học tập; H2: Động lực học tập có ảnh hưởng đến thái độ học tập; H3: Phương pháp học tập có ảnh hưởng đến thái độ học tập; H4: Giảng viên và phương pháp giảng dạy có ảnh hưởng đến thái độ học tập; H5: Cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến thái độ học tập; H6: Hoạt động phong trào có ảnh hưởng đến thái độ học tập.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp phương pháp định tính

và định lượng. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu để làm rõ khái niệm về căng thẳng học tập và thái độ học tập, nghiên cứu đề xuất thang đo căng thẳng học tập và thái độ học tập của sinh viên. Với thang đo được chọn, tác giả tiến hành khảo sát sinh viên của Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh. Kết quả khảo sát thu được, tác giả tiến hành nhập và xử lí dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Sau khi mã hóa và làm sạch dữ liệu, tác giả tiến hành:

Thống kê mô tả, tính điểm trung bình, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, độ lệch chuẩn để đánh giá thực trạng thái độ học tập và làm cơ sở cho các bước tiếp theo.

Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua Cronbach's Alpha. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo sẽ được chấp nhận khi hệ số tin cậy Cronbach's Alpha lớn hơn hoặc bằng 0,6.

Phân tích nhân tố EFA với phép xoay Varimax để rút gọn một tập biến quan sát phụ thuộc lẫn nhau thành tạp hợp ít biến có nghĩa nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết thông tin của tập biến ban đầu. Tiêu chuẩn phân tích EFA gồm: hệ số KMO trong khoảng từ 0,5 - 1, kiểm định Barlet với hệ số Sig <=0,05, tổng phương sai trích lớn hơn 50% và hệ số Eigenvalue >1.

Phân tích hồi quy tuyến tính nhằm kiểm định các giả thuyết. Tiêu chuẩn phân tích hồi quy gồm: Hệ số R^2 hiệu chỉnh cho biết mức độ giải thích biến phụ thuộc của các biến độc lập; giá trị Sig của kiểm định F nhỏ hơn 0,05 cho biết sự phù hợp của mô hình; giá trị Sig của kiểm định t cho biết ý nghĩa của hệ số hồi quy (nếu nhỏ hơn 0,05 thì biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc).

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thống kê mô tả

Nghiên cứu tiến hành khảo sát online trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021. Tổng số phiếu thu về là 425, trong đó có 33 phiếu không hợp lệ và 392 phiếu trả lời hợp lệ, chiếm tỉ lệ 92,2%. Trong đó, về cơ cấu giới tính, chủ yếu là sinh viên nữ với tỉ lệ 71,7%. Về cơ cấu chuyên ngành khá đồng đều giữa 3 chuyên ngành tài chính, ngân hàng và kế toán, trong đó chuyên ngành Kế toán có nhiều nhất là 150 sinh viên chiếm tỉ lệ 38,3% và cũng là chuyên ngành có số lượng sinh viên nhiều nhất tại trường. Về cơ cấu theo năm học, sinh viên năm 1 chiếm tỉ lệ lớn nhất 44,6% với 175 sinh viên, trong khi đó sinh viên năm 4 chiếm tỉ lệ thấp nhất với 4,6% (xem Bảng 1).

Bảng 1: Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Đặc điểm		Tần suất	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	111	28,3
	Nữ	281	71,7
Chuyên ngành	Tài chính	99	25,3
	Ngân hàng	143	36,5
	Kế toán	150	38,3
Năm học	Năm 1	175	44,6
	Năm 2	76	19,4
	Năm 3	123	31,4
	Năm 4	18	4,6

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

Về căng thẳng học tập, với giá trị trung bình lớn hơn 3 (nằm trong khoảng 3,4 - 3,5) chứng tỏ sinh viên đồng ý với quan điểm rằng, có sự căng thẳng trong học tập trong khía cạnh kì vọng vào bản thân. Điều này chứng tỏ rằng, trong số các sinh viên tham gia khảo sát, phần lớn sinh viên đều có tiêu chuẩn sống riêng và tự đặt ra các mục tiêu riêng. Họ cảm thấy căng thẳng, lo lắng khi không sống theo những tiêu chuẩn hoặc không đạt được các mục tiêu đó.

Sự khác biệt về căng thẳng học tập theo giới tính với giá trị Sig. của kiểm định t = 0,114 >0,05 nên không có sự khác biệt về căng thẳng học tập giữa nam và nữ. Kết quả phân tích anova theo chuyên ngành có sig. = 0,42 > 0,05 chứng tỏ không có sự khác biệt về căng thẳng học tập giữa sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau. Kết quả phân tích anova theo năm học có sig. = 0,012<0,05 chứng tỏ có sự khác biệt về căng thẳng học tập giữa sinh viên các khóa, cụ thể là có sự khác biệt về căng thẳng học tập giữa sinh viên năm 1 và năm 3.

Về thái độ học tập, giá trị mean của thái độ học tập nằm trong khoảng từ 3,5 - 4,0 chứng tỏ sinh viên đồng ý với quan điểm về thái độ học tập (xem Bảng 3). Phần lớn

Bảng 2: Thống kê mô tả căng thẳng học tập

	Quy mô mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
CTHT1	392	1,00	5,00	3,4082	1,06165
CTHT2	392	1,00	5,00	3,5612	1,00705
CTHT3	392	1,00	5,00	3,4337	1,04902

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

sinh viên được hỏi đều có thái độ tích cực trong học tập như sinh viên hứng thú với các chủ đề trong giờ học và thường tập trung vào bài học, sinh viên thường ôn bài và hoàn thành các bài tập hàng ngày, sinh viên thường tìm đọc các tài liệu liên quan đến các chủ đề học tập.

Bảng 3: Thống kê mô tả thái độ học tập

	Quy mô mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
TDHT1	392	1,00	5,00	3,6378	,88835
TDHT2	392	1,00	5,00	3,5663	,93835
TDHT3	392	1,00	5,00	3,5969	,89087
TDHT4	392	1,00	5,00	3,6837	,84741
TDHT5	392	1,00	5,00	3,7679	,83079
TDHT6	392	1,00	5,00	3,7194	,80461
TDHT7	392	1,00	5,00	4,0383	,78416

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

2.3.2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo biến độc lập và biến phụ thuộc đều có hệ số Cronbach's Alpha nhỏ nhất đạt 0,769 và hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất là 0,529. Vì vậy, các thang đo đều đảm bảo chất lượng và được giữ lại để thực hiện các bước nghiên cứu tiếp theo (xem Bảng 4).

Bảng 4: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

TT	Thang đo	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng nhỏ nhất
1	Căng thẳng học tập	3	0,769	0,529
2	Động lực học tập	5	0,883	0,691
3	Phương pháp học tập	6	0,923	0,747
4	Giảng viên và phương pháp giảng dạy	10	0,962	0,769
5	Cơ sở vật chất	3	0,885	0,699
6	Hoạt động phong trào	5	0,954	0,843
7	Thái độ học tập	7	0,824	0,624

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

2.3.3. Phân tích nhân tố khám phá

Nghiên cứu thực hiện phân tích EFA lần lượt cho biến độc lập và phụ thuộc riêng (xem Bảng 5). Kết quả phân tích EFA cho biến độc lập có hệ số KMO = 0,948 (>0,5) nên phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả kiểm định Barlett có giá trị Sig. = 0,000 (<0,05) nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong phạm vi tổng thể. Kết quả ma trận xoay cho biết có sáu nhân tố thỏa mãn điều kiện với giá trị nhỏ nhất của hệ số Eigenvalue là 1,210 >1 và tổng phương sai tích lũy bằng 75,723%. Hệ số tải nhân tố của từng biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Như vậy, cả sáu nhân tố ban đầu đại diện bởi 32 quan sát đều thỏa mãn tiêu chuẩn và được giữ lại để thực hiện hồi quy.

Bảng 5: Kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với biến độc lập

	Thành phần					
	1	2	3	4	5	6
GVPP5	,826					
GVPP4	,818					
GVPP6	,806					
GVPP7	,795					
GVPP9	,795					
GVPP3	,794					
GVPP8	,779					
GVPP10	,774					
GVPP1	,770					
GVPP2	,740					
HDPT3		,855				
HDPT4		,824				
HDPT2		,807				
HDPT1		,800				
HDPT5		,786				
DLHT2			,820			
DLHT5			,784			
DLHT1			,776			
DLHT3			,766			
DLHT5			,754			
PPHT1				,747		
PPHT2				,727		
PPHT3				,727		
PPHT4				,653		
PPHT5				,625		
PPHT6				,565		
CSVC2					,852	
CSVC1					,816	
CSVC3					,732	
CTHT2						,848
CTHT1						,835
CTHT3						,768

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

Đối với biến phụ thuộc, kết quả cho biết hệ số KMO = 0,909 (>0,5) nên phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả kiểm định Barlett có giá trị Sig. = 0,000 (<0,05) nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong phạm vi tổng thể. Kết quả ma trận xoay cho biết giá trị Eigenvalue là 4,313 >1 và tổng phương sai tích lũy bằng 61,612 %. Hệ số tải nhân tố của từng biến quan sát đều lớn hơn 0,5 (xem Bảng 6).

Bảng 6: Kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với biến phụ thuộc

	Thành phần
	1
TDHT5	,815
TDHT4	,813
TDHT3	,811
TDHT6	,800
TDHT1	,794
TDHT7	,735
TDHT2	,720

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả hồi quy có hệ số R2 = 0,340 và R2 hiệu chỉnh = 0,330. Giá trị hiệu chỉnh nhỏ hơn nên có thể sử dụng giá trị hiệu chỉnh để đánh giá sự phù hợp của mô hình. Với R2 hiệu chỉnh = 0,330 cho biết sự thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi 33% các biến độc lập trong mô hình. Kiểm định anova có giá trị Sig. = 0,000 <0,05 chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tổng thể. Trong số sáu biến độc lập đưa vào mô hình thì bốn biến có ý nghĩa thống kê với giá trị Sig. đều nhỏ hơn 0,05. Kết quả hồi quy cho biết, căng thẳng học tập có tác động tích cực đến thái độ học tập của sinh viên. Ngoài ra, các biến giảng viên và phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và cơ sở vật chất có tác động tích cực đến thái độ học tập của sinh viên (xem Bảng 7).

Kết quả kiểm định Durbin - Watson = 1,744, nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,5 nên không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Kết quả kiểm định VIF với hệ số VIF <3 chứng tỏ mặc dù có dấu hiệu của đa cộng tuyến nhưng không ở mức nghiêm trọng.

Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

Thái độ học tập = 0,140 * CTHT + 0,206 * PPHT + 0,263 * GVPP + 0,207 * CSVC + e

2.3.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Căng thẳng học tập có ảnh hưởng tích cực đến thái độ học tập của sinh viên. Kết quả này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Harmucu (2018). Điều này hàm ý rằng, khi sinh viên có kì vọng về bản thân, biết đặt ra mục tiêu và các tiêu chuẩn của riêng mình sẽ có thái độ tích cực trong học tập. Bên cạnh đó, phương pháp học tập là một trong những nhân tố quan trọng về phía sinh viên có ảnh hưởng tích cực đến thái độ học tập của họ. Điều này hàm ý rằng, sinh viên có phương pháp học tập tốt, chủ động và sáng tạo trong tự học, tự nghiên cứu sẽ có thái độ học tập tích cực.

Ngoài ra, nghiên cứu tìm thấy tác động tích cực và đáng kể của giảng viên và phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất đến thái độ học tập của sinh viên. Kết quả này đã bổ sung thêm minh chứng về vai trò quan trọng của giảng viên đối với hoạt động học tập của sinh viên. Cơ sở vật chất của nhà trường càng đầy đủ, hiện đại và đáp ứng được nhu cầu học tập cũng như nghiên cứu của sinh viên thì sẽ làm gia tăng sự hứng thú cũng như thái độ tích cực trong học tập.

3. Kết luận

Bằng phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu cho biết căng thẳng học tập trên khía cạnh kì vọng về bản thân của sinh viên ở mức cao. Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về căng thẳng học tập giữa sinh viên nam và sinh viên nữ cũng như giữa sinh viên ở các chuyên ngành khác nhau. Về năm học,

Bảng 7: Kết quả hồi quy phân tích tác động của căng thẳng học tập đến thái độ học tập của sinh viên

Mô hình	Hệ số chuẩn hóa	t	P	VIF	R2	Durbin-Watson	Sig.
Hằng số		5,062	,000		0,340	1,774	0,000b
Căng thẳng học tập	,140	3,237	,001	2,752			
Động lực học tập	-,023	-,467	,641	2,338			
Phương pháp học tập	,206	3,007	,003	1,709			
Giảng viên và phương pháp giảng dạy	,263	4,157	,000	2,097			
Cơ sở vật chất	,207	3,830	,000	1,086			
Hoạt động phong trào	-,012	-,196	,845	1,423			

(Nguồn: Kết quả thống kê từ phần mềm SPSS)

nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt về căng thẳng học tập giữa sinh viên năm 1 và năm 3. Bằng phương pháp hồi quy OLS, nghiên cứu tìm thấy tác động tích cực của căng thẳng học tập trên khía cạnh kì vọng về bản thân với thái độ học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, kết quả hồi quy cũng cho biết các nhân tố phương pháp học tập, giảng viên và phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất của nhà trường cũng ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên. Các khía cạnh khác về căng thẳng như áp lực học tập, khối lượng công việc, sự lo lắng về điểm số hay sự chán nản trong học tập là những khoảng trống để tác giả tiếp tục tiến hành các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

[1] Byrne, D. G., Davenport, S. C., & Mazanov, J, (2007), *Profiles of adolescent stress: The development of the adolescent stress questionnaire (ASQ)*, Journal of adolescence, số 30(3), tr.393-416.

[2] Yeo, S. K - Lee, W. K, (2017), *The relationship between adolescents' academic stress, impulsivity, anxiety, and skin picking behavior*, Asian journal of psychiatry, No 28, p.111-114.

[3] Sun, J., Dunne, M. P., Hou, X. Y., & Xu, A. Q, (2011), *Educational stress scale for adolescents: development, validity, and reliability with Chinese students*, Journal of psychoeducational assessment, số 29(6), tr.534-546.

[4] Ang, R. P - Huan, V. S, (2006), *Academic expectations stress inventory: Development, factor analysis, reliability, and validity*, Educational and Psychological Measurement, số 66(3), tr.522-539.

[5] Hart, L. E, (1989), *Describing the affective domain: Saying what we mean*, In Affect and mathematical problem solving, pp. 37-45, Springer, New York, NY.

[6] Lê Ngọc Phương, (2005), *Thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật Hưng Yên*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7] Abebe, F, (2014), *Students' Attitude Towards Mathematics. their Achievement and Factors Affecting their Learning in Government General Secondary Schools of Adama City*, Doctoral dissertation, Addis Ababa University.

[8] Al-Nefale, S, (2015), *Investigating factors influencing students' attitude and performance when using web-enhanced learning in developing countries: The case of Saudi Arabia,* Doctoral dissertation, Brunel University London.

[9] Ayob, A - Yasin, R. M, (2017), *Factors affecting attitudes towards mathematics*, International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences, số 7(11), tr.1100-1109.

[10] Lưu Chí Danh - Nguyễn Thị Như Huyền - Đỗ Nguyễn Như Quỳnh - Võ Thị Mỹ Diệu, (2021), *Các nhân tố tác động đến sự hứng thú trong học tập của sinh viên*, Tạp chí Công thương, số 19, https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-nhan-to-tac-dong-den-su-hung-thu-trong-hoc-tap-cua-sinh-vien-83564.htm.

[11] Phan Hữu Tín - Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, (2011), *Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên Trường Đại học Đà Lạt*, Tạp chí Phát triển Khoa hoc và Công nghệ, số 14, tr.89-96.

[12] Trần Thị Khánh Linh, (10/2019), *Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập các học phần toán cao cấp của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế*, Tạp chí Giáo dục, tr. 222-226.

[13] Wang, J. H., Tsai, K. C., Chu, S. K., Lei, C. L., Chio, I. L., & Lee, H. M, (2015), *A study of learning pressure, learning attitudes, and achievement among Macau undergraduates*, Canadian Social Science, 11(9), p.1-5.

[14] Samson, L., Lombrio, C., & Castro, J, (2019), *Academic Stress: Its Relationship to Learning Attitude*, Collaborative Faculty Research, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3624588.

[15] Hamurcu, H, (2018), *Examination of attitudes to learning and educational stress in prospective primary school teachers: zmir-Buca sample*, Educational Research and Reviews, 13(2), p.92-105.

[16] Shah, Z - Mahmood, N, (2011), *Developing a scale to measure attitude towards science learning among school students*, Bulletin of Education and Research, số 33(1), tr.71-81.

AN INVESTIGATION ON THE IMPACTS OF ACADEMIC STRESS ON STUDENTS' LEARNING ATTITUDE

Phan Thi Hong Thao

Email: thaopth@hvnh.edu.vn
Banking Academy of Vietnam- Bac Ninh Campus
331 Ngo Gia Tu, Suoi Hoa ward, Bac Ninh city,
Bac Ninh province, Vietnam

ABSTRACT: *The study was conducted to assess the impact of academic stress on students' attitude to study. Based on survey data, using the multiple regression analysis, the study reveals a positive impact of academic stress on learning attitude. In addition, the factors of learning methods, lecturers and teaching methods, and facilities are also important factors explaining the difference in students' learning attitudes.*

KEYWORDS: Academic stress, learning motivation, learning method, learning attitude.